**Trường THCS LÝ THƯỜNG KIỆT**

**Tổ: Toán GV: Nguyễn Văn Đức**

**KẾ HOẠCH BÀI DẠY**

**Tên bài dạy**

**LUYỆN TẬP (BÀI 8)**

**Thời lượng: 1 tiết- tuần 7**

**I. MỤC TIÊU :**

**1. Kiến thức:** Củng cố cho HS các phép biến đổi đơn giản biểu thức chứa căn bậc hai.

**2. Năng lực**

- *Năng lực chung*: Đọc và tìm hiểu sgk về nội dung bài học, hợp tác, giao tiếp thảo luận nhóm hiệu quả, sử dụng ngôn ngữ toán học chính xác, biết rút gọn biểu thức.

- *Năng lực chuyên biệt*: Biết sử dụng kĩ năng biến đổi biểu thức chứa căn thức bậc hai để giải các bài toán liên quan.

**3. Phẩm chất**

- Có ý thức, tập trung, tự giác, tích cực trong nhiệm vụ được phân công

- Hợp tác, giúp đỡ bạn cùng hoàn thành nhiệm vụ.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Giáo viên:** Kế hoach dạy học, máy tính, ti vi,

**2. Học sinh:** Xem trước bài, thực hiện các hướng dẫn của tiết học trước

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (MỞ ĐẦU)**

**a) Mục tiêu:** Ôn lại một số kiến thức về phép biến đổi biểu thức chứa căn thức bậc hai

**b) Nội dung:** Công thức tổng quát của các phép biến đổi biểu thức chứa căn thức bậc hai

**c) Sản phẩm:** Tái hiện lại một số nội dung kiến thức mà học sinh đã học.

HS1: ***B0 ta có:***

***A0, B0 thì ;***

***A < 0, B0 thì***

**A , ta có:**

**A , ta có:**

**d) Tổ chức thực hiện:**

- GV đặt câu hỏi: Viết công thức tổng quát của các phép biến đổi biểu thức chứa căn thức bậc hai

- Một hs lên bảng viết

- Các hs khác chú ý theo dõi, đưa ra nhận xét câu trả lời của bạn

- GV chốt kiến thức, cho điểm hs.

**B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**C - D. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP – VÂN DỤNG**

**a) Mục tiêu:** Hs áp dụng được các kiến thức vừa học để giải một số bài tập cụ thể.

**b) Nội dung:** Bài tập 62, 64, 65 sgk trang 33; 34.

**c) Sản phẩm:** Kết quả hoạt động của học sinh

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **\* Chuyển giao nhiệm vụ**  Gv đưa nội dung bài 62 lên bảng  2HSlên bảnglàm BT 62 sgk/33  - Muốn rút gọn biểu thức trên ta làm như thế nào?  **\* Thực hiện nhiệm vụ**  HS làm việc nhóm đôi hoàn thành bài tập  Gv có thể hướng dẫn cho HS cách điđến kết quả hợp lí đối với từng bài và chung trong các bài a, b, c, d  GV. Lưu ý HS cần tách ở biểu thức lấy căn thành các thừa số chính phương để đưa ra ngoài dấu căn  **\* Báo cáo, thảo luận**  - 4 HS lên bảng làm 4 câu  - Các hs khác tiếp tục hoàn thành đồng thời theo dõi nhận xét bài làm của bạn trên bảng.  GV theo dõi, hướng dẫn, giúp đỡ HS thực hiện nhiệm vụ  **\* Kết luận, nhận định**  *Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vu của HS*  *GV chốt lại kiến thức* | ***DẠNG* 1: *Rút gọn biểu thức***  ***Bài 62(sgk/33):*** Rút gọn các biểu thức sau: |
| **\* Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv đưa nội dung bài 64 lên bảng  - GV Hướng dẫn bài64/33 sgk  - Muốn chứng minh đẳng thức  A = B ta làm ntn?  - Vế trái đẳng thức có dạng hằng đẳng thức nào?  **-** Hãy biến đổi vế trái đẳng thức sao cho bằng vế phải.  **\* Thực hiện nhiệm vụ**  1 HS lên bảng thực hiện. Cả lớp làm bài vào vở  GV theo dõi, hướng dẫn, giúp đỡ HS thực hiện nhiệm vụ  **\* Báo cáo, thảo luận**  Các hs khác theo dõi nhận xét bài làm của bạn  **\* Kết luận, nhận định**  *Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vu của HS*  *GV chốt lại kiến thức* | ***DẠNG* 2: *Chứng minh đẳng thức***  ***Bài 64:*** ĐK:  Biến đổi vế trái ta có    Vậy đẳng thức được chứng minh |
| ***GV giao nhiệm vụ học tập.***  GV: Yêu cầu HS làm tiếp BT 65 sgk/34  **-** Để rút gọn trước hết ta nên thực hiện phép biến đổi nào? Trong ngoặc tròn thứ nhất ta nên làm gì?  **-** Mẫu thức ở phân thức chia có đặc điểm gì?  **-** Để so sánh M với 1 ta làm thế nào? (hướng dẫn hs làm theo 2 cách)  **\* Thực hiện nhiệm vụ**  Hs làm việc nhóm đôi  GV t*heo dõi, hướng dẫn, giúp đỡ HS thực hiện nhiệm vụ*  **\* Báo cáo, thảo luận**  1HS lên bảng giải  Sau đó GV cùng HS nhận xét sửa sai  **\* Kết luận, nhận định**  *Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vu của HS*  *GV chốt lại kiến thức* | **DẠNG 3: *So sánh giá trị của biểu thức (có rút gọn )***  ***Bài 65( sgk/34)* :** Rút gọn rồi so sánh giátrị của M ĐK: a > 0; a1    **\* So sánh M với 1**  a > 0; a1, ta có:    Do nên  M < 1  **Cách 2:**  Vì a > 0; a1 nên  Hay M – 1 < 0. Suy ra M < 1 |

**HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

- Học bài cũ, trả lời câu hỏi SGK.

- Hoàn thành các bài tập còn lại của phần luyện tập.

- Chuẩn bị bài mới.

---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------